

2021)

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO THỂ THAO (Số 17 - 9/2021) 3

Nguyễn Thị Tô Lan Lựa chọn bài tập phát triển thể lực cho nam sinh viên học tự chọn môn cầu lông trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang..... 43	Nguyễn Thị Tô Lan Selecting exercises to develop fitness for male students studying elective badminton at Kiên Giang Pedagogical College 43
Nguyễn Minh Thân, Dương Văn Phương, Đặng Văn Giáp Đánh giá thực trạng việc thực hiện chương trình GDTC tại trường Đại học Tài chính - Marketing Thành phố Hồ Chí Minh 48	Nguyen Minh Than, Duong Van Phuong, Dang Van Giap Evaluation of the actual status of the implementation of the PE program at the University of Finance and Marketing in Ho Chi Minh City 48
Nguyễn Văn Tuấn Diễn biến thể lực của sinh viên khối kinh tế trường Đại học Hải Phòng 52	Nguyen Van Tuan Physical performance of students in the economic block of Hai Phong University. 52
Nguyễn Thị Thu Hiền Lựa chọn các test và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá thực trạng thể lực chuyên môn của nam sinh viên đội tuyển Bóng rổ trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội 57	Nguyen Thi Thu Hien Selection of tests and development of standards to assess the professional fitness status of male students from the Basketball team at Hanoi University of Physical Education and Sports 57
Trần Thị Kim Anh, Hoàng Thủy Linh, Lê Tiến Hùng Lựa chọn bài tập phát triển sức nhanh động tác cho nam vận động viên cầu lông lứa tuổi 13-14 Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh Lâm Đồng 63	Tran Thi Kim Anh, Hoang Thuy Linh, Le Tien Hung Selection of exercises to develop speed of movement for male badminton players aged 13-14, Lam Dong province's training and competition center 63
Nguyễn Toàn Năng, Kiên Hậu Thực trạng thể lực nam sinh viên 18 tuổi trường Đại học Trà Vinh 68	Nguyen Toan Nang, Kien Hau Physical status of 18-year-old male students at Tra Vinh University 68
Phan Anh Tuấn, Đỗ Thị Thu Hiền Thực trạng lựa chọn các học phần tự chọn của sinh viên trường Đại học TDTT Đà Nẵng 73	Phan Anh Tuan, Do Thi Thu Hien The current situation of choosing elective courses of students at Danang Sport University 73
Lê Quang Dũng, Lê Cát Nguyễn, Dương Anh Tuấn Cải tiến chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế đáp ứng nhu cầu về công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học của các tỉnh khu vực Bắc Trung bộ 78	Le Quang Dung, Le Cat Nguyen, Duong Anh Tuan Improvement of training program in physical education sector, school of physical education - Hue university to response the demands of physical education and sports schools of provinces in North Central Region, Viet Nam 78
THÔNG TIN KHOA HỌC	
Huỳnh Việt Nam, Nguyễn Ngọc Thăng Giới thiệu mô hình Học tập phục vụ cộng đồng..... 87	SCIENTIFIC INFORMATION
	Huynh Viet Nam, Nguyen Ngoc Thang Introducing the Service Learning model... 87

CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT, KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT - ĐẠI HỌC HUẾ ĐÁP ỨNG NHU CẦU VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC CỦA CÁC TỈNH KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ

TS. Lê Quang Dũng, TS. Lê Cát Nguyễn, ThS. Dương Anh Tuấn
Khoa Giáo dục Thể chất - Đại học Huế

Tóm tắt: Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học thể thao (TDTT) thường quy, đề tài đã tiến hành khảo sát nhu cầu và đề xuất cải tiến chương trình đào tạo (CTDT) ngành Giáo dục thể chất (GDTC) của Khoa GDTC - Đại học Huế đáp ứng nhu cầu về công tác GDTC và thể thao trường học của các tỉnh Bắc Trung bộ Việt Nam.

Từ khóa: Cải tiến; chương trình đào tạo; ngành GDTC; nhu cầu; Bắc Trung bộ.

Abstract: By using regularly research methods in sport science, this topic conducted a survey of demand and proposed improvements to the training program of school of Physical Education - Hue University to response the demand of physical education and sports school in the North Central provinces, Vietnam.

Keywords: Improvement; Training program; Physical education sector; Demand; North central region.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Để cải tiến CTDT, cần thực hiện nhiều công việc như đánh giá chương trình, đối sánh chương trình hiện hành với các CTDT trong và ngoài nước, đánh giá mức độ đáp ứng của cựu sinh viên với yêu cầu về năng lực chuyên môn và chuẩn nghề nghiệp giáo viên, khảo sát nhu cầu của các địa phương sử dụng lao động... Trong đó, việc nắm bắt nhu cầu của các địa phương nơi sinh viên ra trường sẽ trực tiếp làm việc là một việc làm hết sức cần thiết để kịp thời điều chỉnh CTDT đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong nghiên cứu này, bài viết tập trung trình bày vấn đề cải tiến CTDT ngành GDTC của Khoa GDTC - Đại học Huế ứng nhu cầu của các tỉnh Bắc Trung bộ về công tác GDTC và thể thao trường học.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, bài viết đã sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương

pháp chuyên gia và Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Nhu cầu của các tỉnh Bắc Trung bộ đối với công tác GDTC và thể thao trường học

1.1. Nhu cầu của các tỉnh Bắc Trung bộ đối với công tác GDTC và thể thao trường học

Bài viết đã tiến hành nghiên cứu các văn bản về quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh và Thanh Hóa [2], [5], [6], [7], [8], [9] đến năm 2015, định hướng đến 2020 và tầm nhìn đến 2030. Qua nghiên cứu, bài viết nhận thấy nhu cầu của các tỉnh Bắc Trung bộ về công tác GDTC và thể thao trường học như sau:

- Thực hiện phát triển TDTT trường học từ tiểu học đến trung học phổ thông (THPT) theo nội dung “Đề án tổng thể phát triển thể lực, người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030”.

- Xây dựng các câu lạc bộ TDTT trường học; học sinh dành thời gian từ 2 - 3 giờ/tuần để

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO THỂ THAO

tham gia học câu lạc bộ, ...
- Phát triển hệ thống thi đấu TDTT giải trí thích hợp phương [5]
- Phổ cập thông tin THPT đưa [5], [6], [7]
- Phát triển một số môn thể thao trong điểm gồm: Điền kinh (6/6 tỉnh lựa chọn), Bơi (5/6

TT Nội dung
1 Điền kinh
2 Bóng chuyền
3 Bóng bàn
4 Cầu lông
5 Võ thuật
6 Bóng đá
7 Bơi lội
Qua nghiên cứu chuyên gia chuyên viên Đạ các môn thể thao không

tham gia hoạt động thể thao ngoài khóa trong các câu lạc bộ, các lớp nâng cao thể thao.
- Phát triển hệ thống thi đấu TDTT giải trí thích hợp với từng cấp học, từng vùng, địa phương [5], [6], [7], [8].
- Phổ cập dạy và học bơi đối với học sinh hệ phổ thông và mầm non; đảm bảo 100% trường THPT đưa môn bơi vào chương trình ngoại khóa [5], [6], [7], [8].
- Phát triển một số môn thể thao trong điểm gồm: Điền kinh (6/6 tỉnh lựa chọn), Bơi (5/6

tỉnh lựa chọn, trừ Hà Tĩnh), Võ thuật ((5/6 tỉnh lựa chọn, trừ Quảng Bình).

1.2. Nhu cầu của học sinh trung học phổ thông tại các tỉnh Bắc Trung bộ đối với công tác GDTC và thể thao trường học

1.2.1. Nhu cầu tập luyện các môn thể thao
Kết quả phỏng vấn về nhu cầu tập luyện các môn thể thao của học sinh các tỉnh Bắc Trung bộ được trình bày ở Bảng 2.

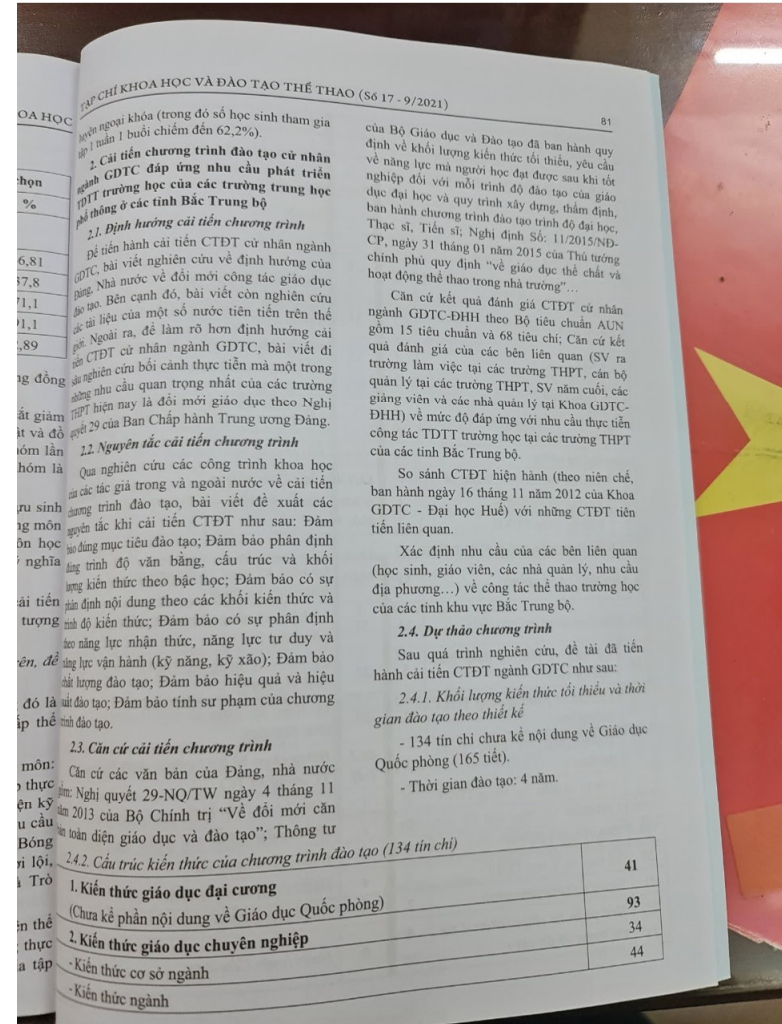
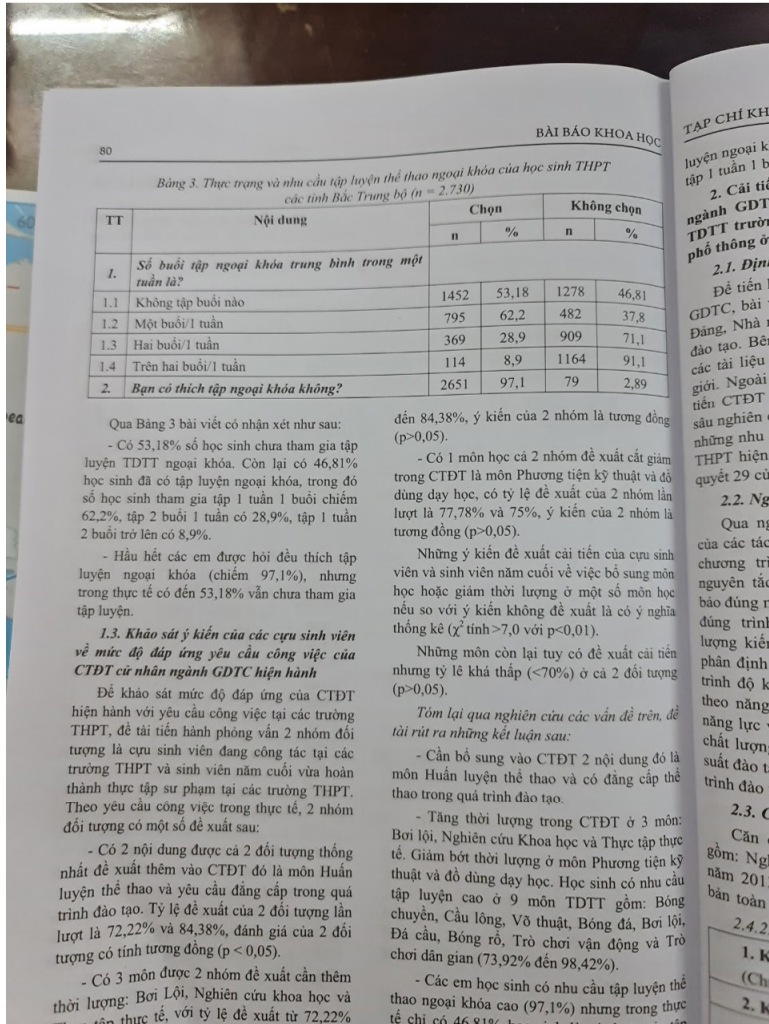
Bảng 2. Các môn thể thao học sinh các tỉnh Bắc Trung bộ yêu thích (n = 2.730)

TT	Nội dung	Chọn		Không chọn		χ ²	TT	Nội dung	Chọn		Không chọn		χ ²
		n	%	n	%				n	%			
1	Điền kinh	1587	58,13	1143	41,87	72,2	8	Đá cầu	2148	78,68	582	21,32	898
2	Bóng chuyền	2105	77,11	625	22,89	802	9	Bóng rổ	2018	73,92	712	26,08	625
3	Bóng bàn	1420	52,01	1310	47,99	4,43	10	Thể dục nhịp điệu	1854	67,91	876	32,09	350
4	Cầu lông	2389	87,51	341	12,49	1536	11	Bóng ném	1665	60,99	1065	39,01	132
5	Võ thuật	2416	88,5	314	11,50	1618	12	Trò chơi vận động	2448	89,67	282	10,33	1719
6	Bóng đá	2632	96,41	98	3,59	2352	13	Trò chơi dân gian	2147	78,64	583	21,36	896
7	Bơi lội	2687	98,42	43	1,58	2561	14	Thể hình	917	33,59	1813	66,41	294

Qua Bảng 2 cho thấy có 9 môn thể thao mà học sinh yêu thích (chiếm trên 70%): Bóng chuyền, Cầu lông, Võ thuật, Bóng đá, Bơi lội, Đá cầu, Bóng rổ, Trò chơi vận động và Trò chơi dân gian. Số người chọn so với không chọn ở những môn kể trên có ý nghĩa thống kê (p<0,01).

1.2.2. Thực trạng và nhu cầu tập luyện thể thao ngoài khóa của học sinh THPT các tỉnh Bắc Trung bộ

Kết quả khảo sát về thực trạng và nhu cầu tập luyện thể thao ngoài khóa của học sinh THPT các tỉnh Bắc Trung bộ được trình bày ở Bảng 3.



BÀI BÁO KHOA HỌC

TẬP CHÍ KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO THỂ THAO (Số 17 - 9/2021)

82

- Thực tập và thực tế sư phạm	10
- Khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp)	5
* Kiến thức giáo dục đại cương	
41 tín chỉ	
Lý luận chính trị	10
1 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5
2 Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
4. Ngoại ngữ cơ bản	8
4.1 Ngoại ngữ 1	2
4.2 Ngoại ngữ 2	2
4.3 Ngoại ngữ 3	2
4.4 Ngoại ngữ 4	2
Khoa học tự nhiên	10
5 Tin học và xác suất, thống kê	3
6 Tin học và đo lường	3
7 Phương pháp NCKH	3
Khoa học xã hội	13
8 Tâm lý học	3
9 Giáo dục học	3
10 Quản lý hành chính Nhà nước, Quản lý ngành Giáo dục và TĐTT	3
11 Pháp luật đại cương và luật TĐTT	2
12 HP tự chọn (chọn 2 TC trong 8 TC)	2/8
12.1 Môi trường và con người	2
12.2 Thực hành văn bản Tiếng Việt	2
12.3 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
12.4 Địa phương học	2
13. Giáo dục Quốc phòng	165
(Không tính vào tổng số tín chỉ toàn khóa học)	tiết
* Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	
93 tín chỉ	
a. Kiến thức cơ sở ngành:	34
a1. Kiến thức cơ sở ngành GDTC	24
14 Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	5
15 Lý luận và phương pháp TĐTT trường học	2
16 Tuyển chọn và huấn luyện thể thao	3
17 Tâm lý và giáo dục trong TĐTT	2
18 Giải phẫu	2
19 Sinh lý học TĐTT	5
20 Vệ sinh và Y học TĐTT	3
21 Ngoại ngữ chuyên ngành	2
23, 24 Học phần tự chọn (chọn 4 tín chỉ trong 16 tín chỉ)	4/16
36 Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Võ thuật	2
37 Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Bơi lội	3
38 Lý luận, kỹ năng và PPGD Trò chơi vận động	2
39 Lý luận, kỹ năng và PPGD Trò chơi dân gian	2
40,41,42 HP tự chọn bổ trợ ngành (chọn 9 TC trong 54 TC)	9/54
1 Huấn luyện Điền kinh	3
2 Thể dục đồng diễn	3
3 Huấn luyện Bóng đá	3
4 Huấn luyện Bóng chuyền	3
5 Huấn luyện Bóng bàn	3
6 Huấn luyện Cầu lông	3

TẬP CHÍ KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO THỂ THAO (Số 17 - 9/2021)

83

1 Sinh cơ TĐTT	2	7 Huấn luyện Bóng rổ	3
2 Sinh hóa TĐTT	2	8 Huấn luyện Bóng ném	3
3 Doping	2	9 Huấn luyện Đá cầu	3
4 Hồi phục và Dinh dưỡng trong TĐTT	2	10 Huấn luyện Bơi lội	3
5 Lịch sử TĐTT	2	11 Huấn luyện Võ thuật	3
6 Kinh tế TĐTT	2	12 Huấn luyện Quần vợt	3
7 Xã hội hóa TĐTT	2	13 Thể thao giải trí	3
8 Xoa bóp và thể dục chữa bệnh	2	14 Khiêu vũ thể thao	3
a2. Kiến thức chuyên ngành	6	15 Công tác Đoàn, Đội và Hội	3
25 Giao tiếp sư phạm	2	16 Thuật dưỡng sinh	3
26 Rèn luyện nghiệp vụ GDTC	2	17 Cờ vua	3
27 Đánh giá trong giáo dục thể chất	2	18 Kỹ năng sống	3
b. Kiến thức ngành:	44	c. Thực tập và thực tế sư phạm:	
28 Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Điền kinh	5	43 Thực tập sư phạm	6
29 Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Thể dục	4	44 Thực tế tại các trường hoặc các câu lạc bộ TĐTT	4
30 Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Bóng đá	3	d. Khóa luận tốt nghiệp hoặc thi các học phần thay thế (44)	
31 Lý luận, kỹ năng và phương pháp GD Bóng chuyền	3	1 Khóa luận tốt nghiệp	5
32 Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	2	2 Thi các học phần thay thế	5
33 Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Cầu lông	3	2.1 Chuyên đề Lý luận TĐTT	3
34 Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Đá cầu	3	2.2 Chuyên đề Sinh lý TĐTT	2
35 Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	3	3. Kết quả đánh giá thẩm định CTĐT ngành GDTC	
Để thẩm định CTĐT cử nhân ngành GDTC, Ban viết tiến hành lấy ý kiến nhận xét của 05 chuyên gia, 25 nhà quản lý và giảng viên có kiến thức và kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy ngành GDTC của Khoa GDTC. Kết quả được trình bày ở Bảng 4.			

BÀI BÁO KHOA HỌC

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO THỂ THAO (Số 17 - 9/2021)

84

Bảng 4. Kết quả đánh giá thẩm định CTDT cử nhân cải tiến ngành GDTC (n = 30)

TT	Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tổng điểm	Điểm trung bình/Điểm tối đa	Tỷ lệ %	So sánh	
					t	p
I Tiêu chuẩn Mục tiêu của CT						
1	Mục tiêu về kiến thức	156	5,2/6	86,6	21,6	<0,001
2	Mục tiêu về kỹ năng	159	5,3/6	88,3		
3	Mục tiêu về thái độ	165	5,5/6	91,6		
4	Mục tiêu về khả năng làm việc	153	5,1/6	85		
	Tổng	1257	41,9/52	81,7	23,00	<0,001
II Tiêu chuẩn Nội dung của CT						
1	Đảm bảo tính khoa học và hệ thống	168	5,6/8	70		
2	Đảm bảo tính cập nhật	150	5/8	62,5	3,69	<0,001
3	Đảm bảo tính thực tiễn	147	4,9/6	81,6		
4	Đảm bảo tính mềm dẻo và tính mở	165	5,5/6	91,6		
5	Đảm bảo tính khả thi	156	5,2/6	86,6		
6	Đảm bảo tính tích hợp	144	4,8/6	80	7,7	<0,001
7	Đảm bảo tính kế thừa	165	5,5/6	91,6		
8	Đảm bảo tính liên thông	162	5,4/6	90		
	Tổng	321	10,7/12	89,1	14,71	<0,001
III Tiêu chuẩn Thời lượng của CT						
1	Đảm bảo tính cân đối và hợp lý	165	5,5/6	91,6		
2	Đảm bảo hiệu quả	156	5,2/6	86,6		
	Tổng	321	10,9/12	90,8	14,54	<0,001
IV Tiêu chuẩn Các điều kiện thực hiện CT						
1	Giảng viên, cán bộ quản lý, kỹ thuật viên và nhân viên thực hiện CT	165	5,5/6	91,6		
2	CSVC và các trang thiết bị phục vụ CT	162	5,4/6	90		
	Tổng	2538	84,6/100	87,4	11,93	<0,001

Qua Bảng 4 cho thấy tiêu chuẩn được đánh giá thấp nhất theo tỉ lệ so với điểm tối đa là nội dung chương trình (81,7%) và tiêu chuẩn được đánh giá cao nhất là các điều kiện thực hiện chương trình (90,8%). Còn tiêu chí được đánh giá thấp nhất theo điểm là tiêu chí đảm bảo tính tích hợp (4,8 điểm) và điểm đánh giá cao nhất là tiêu chí đảm bảo tính khoa học và hệ thống (5,6 điểm). Nhưng theo tỉ lệ, tiêu chí được đánh giá thấp nhất là tiêu chí đảm bảo tính tích hợp (62,5% so với điểm tối đa) và 4 tiêu chí được đánh giá cao nhất (91,6%) là mục tiêu thái độ, đảm bảo tính mềm dẻo và tính mở, đảm bảo tính kế thừa và đảm bảo tính cân đối, hợp lý. Tổng điểm đánh giá CTDT được các chuyên gia và nhà chuyên môn thẩm định là 87,4 điểm. So sánh giữa tỷ lệ được điểm và mất điểm thông qua đánh giá của các chuyên gia và các nhà chuyên môn là có ý nghĩa thống kê (p<0,001).

Đi sâu phân tích ý kiến của các chuyên gia và các nhà chuyên môn đối với từng tiêu chuẩn cho thấy tiêu chuẩn 4 "Các điều kiện thực hiện chương trình" được đánh giá cao hơn cả với số điểm bình quân là 5,45, chiếm đến 90,8% so với tổng điểm tối đa của tiêu chuẩn. Sau đó là tiêu chuẩn 3 "Thời lượng của chương trình" tương ứng với điểm trung bình là 5,35 và có tỷ lệ là 89,1% so với tổng điểm tối đa của tiêu chuẩn này. Tiếp đến là tiêu chuẩn 1 "Mục tiêu

chương trình 5,28 và có tỷ lệ là 88% so với tổng điểm tối đa của tiêu chuẩn này. Điểm đạt thấp nhất là tiêu chuẩn 2 "Nội dung CT" có số điểm tương ứng trung bình là 5,24 tương ứng với 81,7% so với tổng điểm tối đa. So sánh tỷ lệ giữa điểm đạt được với số điểm bị mất đi trong thẩm định của các chuyên gia và các nhà chuyên môn đối với 4 tiêu chuẩn có ý nghĩa thống kê (p<0,001).

Xem xét theo từng tiêu chí cũng có thể nhận thấy, các chuyên gia và các nhà chuyên môn cho điểm có tỷ lệ thấp nhất là ở tiêu chí "Đảm bảo tính khoa học và hệ thống" với 70% điểm tối đa và tiêu chí "Đảm bảo tính cập nhật" có tỷ lệ đánh giá là 62,5%. Như vậy, trong 2 tiêu chí này một tiêu chí xếp loại khá và một tiêu chí xếp loại đạt. Tiếp theo so với điểm tối đa là ở tiêu chí "Đảm bảo tính tích hợp" (4,8 điểm) và "Đảm bảo tính thực tiễn" (4,9 điểm), nhưng cũng được các chuyên gia và các nhà chuyên môn đánh giá cao, với tỷ lệ tương ứng so với tổng điểm tối đa là 80% và 81,6%. So sánh giữa tỷ lệ điểm thu được và điểm mất đi trong đánh giá thẩm định của các chuyên gia và các nhà chuyên môn đối với từng tiêu chí là có sự khác biệt đáng kể (p<0,001).

KẾT LUẬN

Từ những kết quả nghiên cứu trên đề tài rút ra những kết luận sau:

1. Về nhu cầu của các tỉnh Bắc Trung bộ đối với công tác GDTC và thể thao trường học.
2. 3 môn Võ thuật, Điền kinh, Bơi lội là các môn thể thao được các tỉnh Bắc Trung bộ tập trung phát triển, trong đó môn bơi lội được ưu tiên phát triển cả 2 mặt là phổ cập bơi lội và thể thao thành tích cao.
3. Học sinh THPT các tỉnh Bắc Trung bộ có nhu cầu tập luyện cao ở 9 môn TDDT gồm: Bóng chuyền, Cầu lông, Võ thuật, Bóng đá, Bơi lội, Đá cầu, Bóng rổ, Trò chơi vận động và Trò chơi dân gian (73,92% đến 98,42%).
4. Các em học sinh có nhu cầu tập luyện thể thao ngoại khóa cao (97,1%) nhưng trong thực tế chỉ có 46,81% học sinh là có tham gia tập luyện ngoại khóa (trong đó số học sinh tham gia tập 1 tuần 1 buổi chiếm đến 62,2%).
5. Theo ý kiến của cựu sinh viên đang là giáo viên tại các trường THPT và sinh viên năm cuối vừa hoàn thành thực tập sư phạm về việc điều chỉnh CTDT nhằm đáp ứng yêu cầu công việc trong thực tiễn công tác, cần bổ sung vào CTDT 2 nội dung đó là môn Huấn luyện thể thao và có đăng cấp thể thao trong quá trình đào tạo. Tăng thời lượng 3 môn trong quá trình đào tạo. Tăng thời lượng 3 môn trong quá trình đào tạo. Tăng thời lượng 3 môn trong quá trình đào tạo. Tăng thời lượng 3 môn trong quá trình đào tạo.
6. Bài viết đã xây dựng được CTDT cử nhân cải tiến ngành GDTC đáp ứng nhu cầu thực tiễn về công tác GDTC và thể thao trường học của các trường THPT ở các tỉnh Bắc Trung bộ. CTDT cải tiến đã được các chuyên gia và các nhà chuyên môn đánh giá ở mức tốt (84,6 điểm), có thể đưa vào ứng dụng trong thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Thị Hoài (2009), *Nghiên cứu đánh giá thẩm định chương trình giáo dục đại học*, Luận án Tiến sĩ quản lý giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2]. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2013), *Nghị quyết Tăng cường xây dựng và nâng cao chất lượng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020*, Nghị quyết Số 55/2013/NQ-HĐND, Hà Tĩnh.
- [3]. Lê Đức Ngọc (2000), *Xây dựng chương trình giảng dạy*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4]. Perter F. Oliva (2006), *Xây dựng chương trình học* (Bản dịch), Nxb. Giáo dục.
- [5]. Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Trị (2009), *Quyết định số: 05/2009/QĐ-UBND V/v phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp TDDT tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020*.

BÀI BÁO KHOA HỌC

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO THỂ THAO (Số 17 - 9/2021)

85

chương trình 5,28 và có tỷ lệ là 88% so với tổng điểm tối đa của tiêu chuẩn này. Điểm đạt thấp nhất là tiêu chuẩn 2 "Nội dung CT" có số điểm tương ứng trung bình là 5,24 tương ứng với 81,7% so với tổng điểm tối đa. So sánh tỷ lệ giữa điểm đạt được với số điểm bị mất đi trong thẩm định của các chuyên gia và các nhà chuyên môn đối với 4 tiêu chuẩn có ý nghĩa thống kê (p<0,001).

Xem xét theo từng tiêu chí cũng có thể nhận thấy, các chuyên gia và các nhà chuyên môn cho điểm có tỷ lệ thấp nhất là ở tiêu chí "Đảm bảo tính khoa học và hệ thống" với 70% điểm tối đa và tiêu chí "Đảm bảo tính cập nhật" có tỷ lệ đánh giá là 62,5%. Như vậy, trong 2 tiêu chí này một tiêu chí xếp loại khá và một tiêu chí xếp loại đạt. Tiếp theo so với điểm tối đa là ở tiêu chí "Đảm bảo tính tích hợp" (4,8 điểm) và "Đảm bảo tính thực tiễn" (4,9 điểm), nhưng cũng được các chuyên gia và các nhà chuyên môn đánh giá cao, với tỷ lệ tương ứng so với tổng điểm tối đa là 80% và 81,6%. So sánh giữa tỷ lệ điểm thu được và điểm mất đi trong đánh giá thẩm định của các chuyên gia và các nhà chuyên môn đối với từng tiêu chí là có sự khác biệt đáng kể (p<0,001).

KẾT LUẬN

Từ những kết quả nghiên cứu trên đề tài rút ra những kết luận sau:

1. Về nhu cầu của các tỉnh Bắc Trung bộ đối với công tác GDTC và thể thao trường học.
2. 3 môn Võ thuật, Điền kinh, Bơi lội là các môn thể thao được các tỉnh Bắc Trung bộ tập trung phát triển, trong đó môn bơi lội được ưu tiên phát triển cả 2 mặt là phổ cập bơi lội và thể thao thành tích cao.
3. Học sinh THPT các tỉnh Bắc Trung bộ có nhu cầu tập luyện cao ở 9 môn TDDT gồm: Bóng chuyền, Cầu lông, Võ thuật, Bóng đá, Bơi lội, Đá cầu, Bóng rổ, Trò chơi vận động và Trò chơi dân gian (73,92% đến 98,42%).
4. Các em học sinh có nhu cầu tập luyện thể thao ngoại khóa cao (97,1%) nhưng trong thực tế chỉ có 46,81% học sinh là có tham gia tập luyện ngoại khóa (trong đó số học sinh tham gia tập 1 tuần 1 buổi chiếm đến 62,2%).
5. Theo ý kiến của cựu sinh viên đang là giáo viên tại các trường THPT và sinh viên năm cuối vừa hoàn thành thực tập sư phạm về việc điều chỉnh CTDT nhằm đáp ứng yêu cầu công việc trong thực tiễn công tác, cần bổ sung vào CTDT 2 nội dung đó là môn Huấn luyện thể thao và có đăng cấp thể thao trong quá trình đào tạo. Tăng thời lượng 3 môn trong quá trình đào tạo. Tăng thời lượng 3 môn trong quá trình đào tạo. Tăng thời lượng 3 môn trong quá trình đào tạo.
6. Bài viết đã xây dựng được CTDT cử nhân cải tiến ngành GDTC đáp ứng nhu cầu thực tiễn về công tác GDTC và thể thao trường học của các trường THPT ở các tỉnh Bắc Trung bộ. CTDT cải tiến đã được các chuyên gia và các nhà chuyên môn đánh giá ở mức tốt (84,6 điểm), có thể đưa vào ứng dụng trong thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Thị Hoài (2009), *Nghiên cứu đánh giá thẩm định chương trình giáo dục đại học*, Luận án Tiến sĩ quản lý giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2]. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2013), *Nghị quyết Tăng cường xây dựng và nâng cao chất lượng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020*, Nghị quyết Số 55/2013/NQ-HĐND, Hà Tĩnh.
- [3]. Lê Đức Ngọc (2000), *Xây dựng chương trình giảng dạy*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4]. Perter F. Oliva (2006), *Xây dựng chương trình học* (Bản dịch), Nxb. Giáo dục.
- [5]. Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Trị (2009), *Quyết định số: 05/2009/QĐ-UBND V/v phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp TDDT tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020*.

- [6]. Ủy ban nhân dân Thanh Hóa (2011), *Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp TDĐT tỉnh Thanh Hóa đến 2020*, Quyết định số 3916/QĐ-UBND, Thanh Hóa.
- [7]. Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An (2013), *Quyết định số 2627/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Nghệ An giai đoạn 2013-2020*.
- [8]. Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Bình (2013), *Quyết định số 714/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2013-2020*.
- [9]. Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế (2015), *Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020*, Quyết định số 1355/QĐ-UBND, Thừa Thiên Huế.
- [10]. Jon Wiles (2002), *Xây dựng chương trình hướng dẫn thực hành*, Nxb Giáo dục, Bản dịch.

T
giáo
luyện
giáo
nhữ
học
lợi í

cộng

of e

the

acti

the

thro

1. 1

Trò

phương

(HTPV

○

○

học

dùng

nhau

Lan,

trường

phương